TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2021
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
2. Ông **TRẦN VĂN NHU**
- *Thư ký phiên Tòa:* Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **NGUYỄN THỊ H,** sinh năm 1987
Địa chỉ: Tổ 15, ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG.

Bị đơn:* Anh **VÕ VĂN BÉ T, sinh năm 1980
Nơi ĐKHKTT: ấp TR, xã TC, huyện TÔ, tỉnh VL.
Địa chỉ: Tổ 15, ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG.

(Chị H, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2010, có đăng ký kết hôn vào năm 2012, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, bất đồng trong việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi, vợ chồng chung sống hơn 10 năm nhưng không có con chung, chị nhiều lần khuyên anh T đi điều trị nhưng anh không đồng ý, từ đó tình cảm vợ chồng không hạnh phúc và sống ly thân nhau. Vào cuối năm 2020 chị có làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T, sau đó chị rút đơn lại để vợ chồng hàn gắn và Tòa án ra quyết định đình chỉ số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2021. Tuy nhiên từ khi rút đơn đến nay vợ chồng cũng không có tiếng nói chung với nhau và không hàn gắn đoàn tụ lại được. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên chị xin ly hôn anh T.

+ Về con chung: Không có.
+ Về tài sản chung: Không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
+ Về nợ chung: Không có.

* Theo tờ khai và lời trình bày tại phiên tòa, phía bị đơn anh Võ Văn Bé T trình bày:

Anh và chị H xác lập quan hệ hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh là do chị H tự thay đổi không nói chuyện với anh, anh không hiểu lý do vì sao, anh có nói chuyện nhưng chị H không trả lời, anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng chung sống hơn 10 năm vẫn không có con chung nhưng anh vẫn chấp nhận. Về con chung: Không có, về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng anh không làm đơn yêu cầu do Tòa án tự xem xét. Về nợ chung: không có. Nay anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa chị H và anh T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa :

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy:

Đối với quan hệ hôn nhân chị H và anh Bé T chung sống như vợ chồng năm 2010, đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã AC ngày 09/5/2012 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị H cho rằng thời gian đầu chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau, thương hay cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện đã ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay, trước đây chị có làm đơn yêu cầu xin ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện CB thụ lý nhưng do anh Bé T không đồng ý ly hôn nên chị đã rút đơn yêu cầu khởi kiện và được Tòa án ra quyết định đình chỉ số 32/2021 ngày 05/3/2021. Khi về vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ được, hiện chị xác định không còn tình cảm gì với anh Bé T nữa, tại phiên tòa chị kiên quyết xin ly hôn với anh Bé T, tại biên bản lấy lời khai (BL 25 – 26) anh Bé T xác định vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế sinh hoạt trong gia đình và do vấn đề không có con chung, vợ chồng còn sống chung nhà nhưng đã ly thân với nhau đến nay hơn 01 năm mấy. Tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng không có nói chuyện với nhau đã 01 năm mấy nay, không ở chung phòng, vợ chồng anh cũng đã ăn riêng với nhau. Anh đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 19/5/2021 (BL40-41) và tại phiên tòa anh Bé T không đồng ý ly hôn với lý do chị H không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà và vật dụng trong nhà nên anh không đòng ý ly hôn là không có cơ sở xem xét. Bởi lẽ, Tòa án cũng đã thông báo, yêu cầu anh làm đơn khởi kiện, nộp án phí nhưng anh không thực hiện mà lại có ý kiến cho rằng anh yêu cầu như vậy nhưng nhất quyết không làm đơn yêu cầu, người yêu cầu ly hôn là chị H chứ không phải anh, nếu chị H ly hôn thì có trách nhiệm làm đơn yêu cầu chia tài sản chung.

Từ những phân tích trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Bé T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn Bé T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Theo lời chị H khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến nay, nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, sống chung không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, vợ

chồng bất đồng trong việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, ngoài ra vợ chồng chung sống hơn 10 năm nhưng không có con chung mặc dù chị nhiều lần yêu cầu anh T đi điều trị nhưng anh T không đồng ý. Vào cuối năm 2020 chị có làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T, sau đó chị rút đơn lại để vợ chồng hàn gắn và Tòa án ra quyết định đình chỉ số 32/2021/QĐST ngày 05/3/2021. Tuy nhiên từ khi rút đơn đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn đoàn tụ được, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được nên nay chị xin ly hôn anh T. Còn anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng là do chị H tự ý xa cách anh, không nói chuyện với anh, thái độ lạnh nhạt, vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, tuy nhiên anh còn thương vợ, tại phiên tòa anh T lúc đồng ý ly hôn, lúc không đồng ý vì cho rằng chị H phải giải quyết về vấn đề tài sản thì anh mới đồng ý ly hôn.

Xét thấy chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài từ giữa năm 2019 cho đến nay nhưng hai bên không hàn gắn đoàn tụ được, trước đây chị H đã nộp đơn xin ly hôn anh T, sau đó chị rút đơn lại để vợ chồng hàn gắn nhưng từ đó đến nay vẫn không chung sống được với nhau, hai bên đã ly thân và không sống chung hơn 01 năm nay. Tại phiên tòa anh T mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại với nhau, mặc khác anh đưa ra lý do là chỉ đồng ý ly hôn khi chị H giải quyết về vấn đề tài sản, còn phía chị H xác định không còn tình cảm với anh T, nay chị cương quyết xin ly hôn với anh T, hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của anh chị đã phát sinh kéo dài, hai bên không còn tình cảm với nhau, chứng tỏ tình cảm của anh chị đã thật sự tan vỡ và không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, việc anh T khai nại không đồng ý ly hôn là do chị H không giải quyết về tài sản, lời khai nại này của anh T không được hội đồng xét xử xem xét. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị được ly hôn anh T là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Anh T trình bày vợ chồng có tài sản chung là căn nhà cấp 4 và các vật dụng trong nhà. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, phía Tòa án có thông báo cho anh T nếu anh có yêu cầu chia tài sản thì anh phải có đơn yêu cầu chia tài sản và nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật để Tòa án xem xét, tuy nhiên anh không thực hiện và không cung cấp cho Tòa án các thủ tục nêu trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ ***Về quan hệ hôn nhân***:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Võ Văn Bé T.

2/ ***Về án phí***:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000614 ngày 26/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cái Bè*;
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *UBND xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH